

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRIỆU SƠN  
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40 /2021/ HNGĐ-ST

Ngày: 17-8 -2021

V/v “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HOÁ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thủy

*Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Xuân Anh và Ông Hoàng Văn Ninh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Hạnh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn:** Bà Nguyễn Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 106/2021/HNGĐ - ST ngày 24 tháng 3 năm 2021 về việc “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2021/QĐST- HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa giữa:

**- Nguyên đơn:** Chị Trịnh Thị C, sinh năm 1992

HKTT: Thị trấn S, huyện T1, tỉnh Thanh Hóa

Địa chỉ hiện nay: Thôn X, xã T, huyện T2, tỉnh Thanh Hóa

**- Bị đơn:** Anh Lê Công T, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện T2, tỉnh Thanh Hóa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai, cũng như đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn là chị Trịnh Thị C trình bày giữa chị và anh Lê Công T đăng ký kết hôn ngày 30/7/2010 tại UBND xã Xuân Thắng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng anh, chị hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T không tu chí làm việc, không chăm lo đến cuộc sống gia đình, tính tình vợ chồng không hòa hợp dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi và xô sát nhau. Mâu thuẫn vợ chồng cũng đã được hai bên gia đình nội, ngoại hòa giải, khuyên nhủ nhiều lần, nhưng vợ chồng không cải thiện được tình cảm mà ngày càng trầm

trọng hơn. Vợ chồng anh, chị đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2020 đến nay, không ai quan tâm đến ai, hiện tại chị C không còn tình cảm với anh T, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh T.

*Về phần con chung:* Vợ chồng anh, chị có 02 con chung với nhau, tên các cháu là Lê Công A, sinh ngày 31/12/2010 và cháu Lê Ngọc Bảo Tr, sinh ngày 04/02/2015, hiện nay các cháu đang ở cùng anh T, việc các cháu ở cùng anh T là do khi chị C và anh T mâu thuẫn, sống ly thân, chị C về nhà bố mẹ đẻ để ở, muốn đưa hai con đi cùng, nhưng anh T không đồng ý, nên chị C đành phải để lại hai cháu ở nhà cùng anh T. Ly hôn nguyện vọng của chị xin được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Bảo Tr, giao cháu Công A cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, vợ chồng anh, chị không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Nghề nghiệp của chị hiện tại đang là nhân viên bán hàng tại Vincom, thành phố Thanh hóa, với mức thu nhập từ 5 triệu đến 6 triệu đồng/ tháng, nên chị xét thấy hoàn toàn đủ điều kiện để nuôi con.

*Về tài sản và phần nợ:* Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai anh Lê Công T trình bày vợ chồng đăng ký kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện như chị C đã trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng anh, chị chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn hay cãi nhau, nhưng anh nghĩ vợ chồng có thể ngồi nói chuyện để bỏ qua cho nhau, nhưng chị C đã bỏ chồng và các con để ở chỗ khác từ tháng 3 năm 2020 đến nay, anh xét thấy vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị C, mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con chung, không đồng ý ly hôn.

*Về con chung:* Anh T trình bày vợ chồng anh, chị có 02 người con, tên các cháu là Lê Công A, sinh ngày 31/12/2010 và cháu Lê Ngọc Bảo Tr, sinh ngày 04/02/2015, hiện nay các cháu đang ở cùng anh. Nếu phải ly hôn anh mong muốn xin được nuôi cả hai con, không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Nghề nghiệp của anh lao động tự do, thu nhập bình quân từ 6 triệu đến 7 triệu đồng, hiện tại anh đang ở trên nhà và đất của mẹ đẻ, anh xét thấy đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng các con.

*Về tài sản và phần nợ:* Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51; 56; Điều 81; 82; 83 luật hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147 của bộ luật tố tụng dân sự; Về hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị Trịnh Thị C. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho chị C ly hôn anh Lê Công T; Về con chung: Giao cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Ngọc Bảo Tr, giao cho anh T trực tiếp nuôi cháu Lê Công A, anh, chị không phải đóng góp nuôi con chung; Về tài sản và nợ

chung anh, chị không yêu cầu nên không xem xét; Về án phí: Chị phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. *Về tố tụng*: Chị C có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa, mặc dù không vì sự kiện bất khả kháng và trở ngại khách quan nào, nhưng anh T không đến Tòa án, không có lý do. Vì vậy Căn cứ vào Điều 227; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. *Về hôn nhân*: Chị Trịnh Thị C và anh Lê Công T đăng ký kết hôn ngày 30 tháng 7 năm 2010 tại UBND xã Xuân Thắng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tự nguyện, có giấy chứng nhận kết hôn số 30/2010. Việc đăng ký kết hôn của anh, chị tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét mâu thuẫn vợ chồng anh chị thì thấy: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, vợ chồng anh chị bất đồng về quan điểm sống, mâu thuẫn này là nguyên nhân của va chạm khác, vợ chồng anh chị hẫng cãi nhau, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng anh, chị đã không quan tâm nhau từ tháng 03/2020 đến nay. Chị C tha thiết yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn, anh T không đồng ý ly hôn, mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Xét nguyện vọng của chị C và anh T thì thấy: Vợ chồng anh, chị đã ở mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau, anh T không muốn ly hôn, nhưng cũng không có biện pháp để hàn gắn tình cảm, để mặc cho tình cảm vợ chồng dần nứt. Tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ vào điều 51, Điều 56 luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trịnh Thị C.

[3]. *Về con chung*: Vợ chồng anh, chị có 02 con chung với nhau. Hiện tại các cháu Lê Công A và cháu Lê Ngọc Bảo Tr đang ở cùng anh T. Xét nguyện vọng nuôi con của anh, chị đều chính đáng, nhưng mức thu nhập và điều kiện kinh tế của anh, chị ngang nhau, nên việc giao con cho mỗi người nuôi 01 cháu là phù hợp.

Vì vụ án liên quan đến người chưa thành niên, nên Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn đã xác minh về hoàn cảnh gia đình và nguyên nhân phát sinh tranh chấp giữa chị C và anh T. Biên bản xác minh ngày 06/5/2021 tại UBND xã Thọ Sơn xác nhận: Nguyên nhân phát sinh tranh chấp UBND xã Thọ Sơn không biết được. Chị C và anh T đều là người có tư cách đạo đức và chấp hành tốt pháp luật.

Vì vậy để đảm bảo sự ổn định, phát triển tâm sinh lý cháu Công A và cháu Bảo Tr, cũng như đảm bảo nguyện vọng của cháu Công A. Hội đồng xét xử giao cháu Bảo Tr cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Công A cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, vấn đề cấp dưỡng không đặt ra.

[4]. *Về tài sản*: Vợ chồng anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[5]. *Về án phí*: Chị Trịnh Thị C phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 271, khoản 1 Điều 273, ; khoản 1 Điều 280 và Điều 227; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 5; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của uỷ ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1, tiểu mục 1, mục II phần A danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016.

*Về hôn nhân*: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trịnh Thị C. Xử cho chị C được ly hôn anh Lê Công T.

*Về con chung*: Giao cháu Bảo Tr cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Công A cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, vấn đề cấp dưỡng không đặt ra.

Chị C, anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Người trực tiếp nuôi con và các thành viên trong gia đình không được ngăn cản, cản trở. Nếu trong quá trình nuôi con, anh hoặc chị không chăm sóc chu đáo ảnh hưởng đến sự phát triển sức khỏe, học tập, sinh hoạt của các cháu bé, thì người không trực tiếp nuôi con có quyền khởi kiện đến Tòa án yêu cầu thay đổi nuôi con chung.

*Về tài sản*: Vợ chồng anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

*Về án phí*: Chị Trịnh Thị C phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo biên lai số AA/2019/00133572 ngày 17 tháng 03 năm 2021 nay trừ 300.000đ án phí ly hôn. Chị C đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Tuyên bố cho chị C, anh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ      THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Xuân Anh    Hoàng Văn Ninh**

**Lê Thị Thủy**

***Nơi nhận:***

- VKS Triệu Sơn
- Các đương sự
- UBND xã Xuân Thắng  
huyện Thọ Xuân
- Thi hành án
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Thủy**



